

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐO



ISO 9001 - 2008

GIÁO TRÌNH

MÔN HỌC: KINH TẾ CÔNG NGHIỆP VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

NGÀNH/NGHỀ: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ

TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2017

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

☎



ISO 9001 - 2008

**GIÁO TRÌNH
MÔN HỌC: KINH TẾ CÔNG NGHIỆP VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
NGÀNH/NGHỀ: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG**

THÔNG TIN CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI

Họ tên: Lê Thành Nhân

Học vị: Thạc sĩ

Khoa: Công Nghệ Cơ Khí

Email: lethanhnhan@hotec.edu.vn

TRƯỞNG KHOA

**TỔ TRƯỞNG
BỘ MÔN**

**CHỦ NHIỆM
ĐỀ TÀI**

**HIỆU TRƯỞNG
DUYỆT**

Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2017

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

LỜI GIỚI THIỆU

Quản lý là một khoa học sử dụng tri thức của nhiều môn khoa học như toán học, thống kê, kinh tế, tâm lý học, cũng như xã hội học... Hoạt động quản lý là thật sự cần thiết nhằm gia tăng hiệu quả trong nhiều lĩnh vực.

Sản xuất là chức năng chính của các doanh nghiệp sản xuất và thu hút một lượng lớn lực lượng lao động của doanh nghiệp. Cùng với chức năng thương mại và chức năng tài chính, sản xuất đóng vai trò cốt lõi của doanh nghiệp.

Quản lý sản xuất được coi là một trong những nội dung chính trong ngành quản trị doanh nghiệp và nó là yếu tố quan tâm hàng đầu của các nhà quản trị cũng như các bộ phận chức năng. Quản lý sản xuất là nhân tố quyết định trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất và sức cạnh tranh của doanh nghiệp thông qua chất lượng sản phẩm, giá thành và thời gian cung cấp sản phẩm. Đặc biệt trong xu thế toàn cầu hóa như hiện nay, quản lý sản xuất đóng vai trò ngày càng quan trọng trong việc điều hành doanh nghiệp.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 06 năm 2017

MỤC LỤC**CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ DOANH NGHIỆP CÔNG NGHIỆP**

1.1. Khái niệm về doanh nghiệp công nghiệp	5
1.2. Đặc điểm của doanh nghiệp.....	5
1.3. Các loại hình của doanh nghiệp.....	6
1.4. Nhiệm vụ quyền hạn của doanh nghiệp.....	7
1.5. Cơ cấu sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp công nghiệp.....	8

CHƯƠNG 2: TỔ CHỨC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT TRONG DOANH NGHIỆP

2.1. Khái niệm về tổ chức quá trình sản xuất trong doanh nghiệp	11
2.2. Hàm sản xuất.	11
2.3. Yêu cầu của tổ chức quá trình sản xuất.	14
2.4. Nội dung của tổ chức quá trình sản xuất.	14

CHƯƠNG 3: ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT TRONG DOANH NGHIỆP

3.1. Khái niệm và vai trò của định mức kinh tế kỹ thuật trong doanh nghiệp.	16
3.2. Định mức lao động trong doanh nghiệp.	16
3.3. Quản lý vật tư kỹ thuật trong doanh nghiệp.	22
3.4. Xác định vật tư dự trữ.....	25

CHƯƠNG 4: QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THEO TIÊU CHUẨN ISO

4.1. Lịch sử hình thành tiêu chuẩn ISO	26
4.2. Nội dung cơ bản của tiêu chuẩn ISO	26
4.3. Giới thiệu các tiêu chuẩn ISO cơ bản	27
4.4. Lợi ích khi ứng dụng tiêu chuẩn ISO.....	28

CHƯƠNG 5: QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG TOÀN DIỆN (TQM)

5.1. Lịch sử hình thành TQM	29
5.2. Nội dung cơ bản của TQM	29
5.3. Lợi ích khi áp dụng TQM	30

CHƯƠNG 6: QUẢN LÝ THÚC ĐẨY CẢI TIẾN LIÊN TỤC (KAIZEN)

6.1. Khái niệm Kaizen	31
6.2. Đối tượng áp dụng	31
6.3. Các bước tiên khai	32
6.4. Lợi ích khi sử dụng Kaizen.....	32

Tài liệu tham khảo	35
---------------------------------	-----------

GIÁO TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: **KINH TẾ CÔNG NGHIỆP VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG**

Mã môn học: **MH3103438**

Vị trí, tính chất, ý nghĩa và vai trò của môn học:

- Vị trí: Môn học Kinh tế công nghiệp và quản lý chất lượng là môn học chuyên ngành, được học trong học kỳ 4 (học kỳ II năm thứ hai).

- Tính chất: là môn học lý thuyết ngành, thuộc môn học tự chọn.

- Ý nghĩa và vai trò của môn học: Quản lý chất lượng là nhân tố quyết định trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất và sức cạnh tranh của doanh nghiệp thông qua chất lượng sản phẩm, giá thành và thời gian cung cấp sản phẩm. Đặc biệt trong xu thế toàn cầu hóa như hiện nay, quản lý chất lượng đóng vai trò ngày càng quan trọng trong việc điều hành doanh nghiệp.

Mục tiêu của môn học:

Về kiến thức:

- Trình bày được đặc trưng cơ bản của các loại hình doanh nghiệp ở Việt Nam
- Trình bày được các yêu cầu cơ bản của việc tổ chức sản xuất
- Trình bày được các tiêu chuẩn quản lý chất lượng

Về kỹ năng:

- Phân tích những yêu cầu trong nền kinh tế công nghiệp
- Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm
- Vận dụng các phương pháp trong quản lý chất lượng

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm.
- Tự giác trong học tập.
- Tuân thủ các quy định của nhà trường

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ DOANH NGHIỆP CÔNG NGHIỆP

1.1 Khái niệm về doanh nghiệp công nghiệp

1.1.1. Doanh nghiệp.

Doanh nghiệp được hiểu theo nghĩa là tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân, qui tụ các phương tiện tài chính và con người nhằm thực hiện các hoạt động sản xuất, cung ứng tiêu thụ sản phẩm hoặc dịch vụ trên cơ sở tối đa hóa lợi ích của người tiêu dùng, thông qua đó tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu đồng thời kết hợp một cách hợp lý các mục tiêu xã hội.

1.1.2. Doanh nghiệp công nghiệp.

- Doanh nghiệp công nghiệp là đơn vị cơ sở thực hiện một hay một số chức năng: Khai thác tài nguyên thiên nhiên, chế biến sản phẩm, khai thác (nông, lâm, hải sản) và hoạt động phục vụ có tính chất công nghiệp nhằm tạo ra sản phẩm công nghiệp để cung cấp cho nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của xã hội. Như vậy, doanh nghiệp công nghiệp là một tế bào của nền kinh tế quốc dân thuộc ngành sản xuất đa dạng và năng động, góp phần làm tăng tổng cung, đáp ứng tổng cầu của xã hội.

- Doanh nghiệp công nghiệp là danh từ chung cho các loại hình tổ chức sản xuất công nghiệp có hạch toán kinh tế độc lập như nhà máy, xí nghiệp, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn một hay nhiều thành viên.

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp công nghiệp có thể rất đa dạng sản xuất nhiều mặt hàng kinh doanh tổng hợp nhưng tựu chung gồm hai loại hoạt động: hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm công nghiệp (sản xuất, kinh doanh chính) và hoạt động sản xuất, kinh doanh khác. Hoạt động sản xuất, kinh doanh chính quyết định việc đặt tên và thương hiệu cho doanh nghiệp, xếp doanh nghiệp đó vào một ngành công nghiệp cụ thể. Hoạt động sản xuất, kinh doanh khác là hoạt động kèm về hoạt sản xuất nông nghiệp, vận tải thương mại ...

- Doanh nghiệp công nghiệp: Hiểu theo nghĩa hẹp là đơn vị sản xuất hàng hóa vật chất với qui mô lớn. Hiểu theo nghĩa chung nhất: Doanh nghiệp công nghiệp là đơn vị sản xuất hàng hóa và dịch vụ với qui mô lớn.

1.2 Đặc điểm của doanh nghiệp.

Doanh nghiệp công nghiệp thường được đánh giá trên các phương diện:

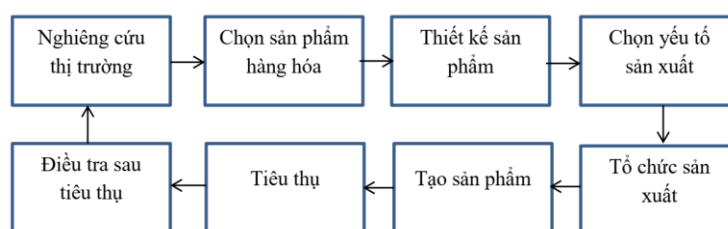
- Hiệu quả sử dụng nguồn lực.
- Tài chính.
- Công nghệ.
- Nghiên cứu và triển khai.

Khả năng vận dụng và mức độ hợp lý của một phương pháp đánh giá doanh nghiệp công nghiệp tùy thuộc vào:

- Mục đích sử dụng của kết quả đánh giá.
- Tính sẵn có của số liệu thống kê.
- Năng lực xử lý mô hình, kỹ thuật thống kê của đội ngũ triển khai.
- Đặc trưng kinh tế.

1.2.1. Chức năng sản xuất và kinh doanh của doanh nghiệp luôn gắn liền với nhau tạo thành chu trình khép kín.

Chu trình khép kín như sau:



Chức năng sản xuất và kinh doanh luôn có mối liên hệ mật thiết với nhau làm cho doanh nghiệp luôn hoạt động hiệu quả hơn, chức năng kinh doanh sẽ hướng doanh nghiệp về việc lựa chọn mặt hàng chiến lược, sản xuất phù hợp với nhu cầu thị hiếu của thị trường.

1.2.2. Hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp phải gắn vào thị trường.

Trong nền kinh tế thị trường, thị trường có vị trí trung tâm. Thị trường vừa là mục tiêu của người sản xuất kinh doanh vừa là môi trường của hoạt động sản xuất và kinh doanh hàng hoá. Thị trường cũng là nơi chuyển tải các hoạt động sản xuất kinh doanh. Trên thị trường, người mua, người bán, người trung gian gặp nhau trao đổi hàng hoá. Do vậy, thị trường có những tác dụng sau đây:

- Bảo đảm điều kiện cho sản xuất phát triển liên tục với quy mô ngày càng mở rộng và bảo đảm hàng hoá cho người tiêu dùng phù hợp với thị hiếu (sở thích) và sự tự do lựa chọn một cách đầy đủ, kịp thời, thuận lợi với dịch vụ văn minh.

- Thúc đẩy nhu cầu, gợi mở nhu cầu, đưa đến cho người tiêu dùng sản xuất và người tiêu dùng cá nhân những sản phẩm mới. Nó kích thích sản xuất ra sản phẩm chất lượng cao, văn minh và hiện đại.

- Dự trữ các hàng hoá phục vụ sản xuất và tiêu dùng xã hội, giảm bớt dư thừa ở các khâu tiêu dùng, bảo đảm việc điều hoà cung cầu.

- Phát triển các hoạt động phục vụ tiêu dùng sản xuất và tiêu dùng cá nhân ngày càng phong phú, đa dạng, văn minh. Giải phóng con người khỏi những công việc không tên trong gia đình.

- Thị trường hàng hoá ổn định có tác dụng to lớn để ổn định sản xuất, ổn định đời sống của nhân dân.

1.2.3. Mục tiêu kinh tế của doanh nghiệp là lợi nhuận.

Lợi nhuận là một yếu tố hàng đầu thúc đẩy mục tiêu sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Từ đó tạo được thế mạnh về kinh tế, làm tăng sức cạnh tranh với đối tác, đảm bảo được tính ổn định và mối quan hệ lâu dài với khách hàng

1.2.4. Các doanh nghiệp trong quá trình hoạt động phải chấp nhận sự cạnh tranh.

Trong nền kinh tế thị trường, sự cạnh tranh luôn tạo tiền đề cho doanh nghiệp luôn luôn cải thiện và nâng cao năng lực để nhằm tạo được chỗ đứng vững trong thị trường.

Năng lực cạnh tranh thể hiện ở:

- Khả năng duy trì và mở rộng thị phần của doanh nghiệp.
- Khả năng chống chịu trước sự tấn công của doanh nghiệp khác.
- Việc nâng cao năng suất lao động và giảm giá thành.

1.3 Các loại hình của doanh nghiệp.

Tùy thuộc vào mục đích nghiên cứu, dựa trên những đặc điểm về hình thức sở hữu vốn, về quy mô hay địa vị pháp lý, người ta có thể có nhiều cách phân loại doanh nghiệp khác nhau.

1.3.1. Phân loại doanh nghiệp căn cứ vào hình thức sở hữu vốn.

Doanh nghiệp một chủ sở hữu

Doanh nghiệp nhiều chủ sở hữu

1.3.2. Phân loại doanh nghiệp dựa vào qui mô.

- Các chỉ tiêu đánh giá quy mô:

- + Tổng giá trị sản lượng.
- + Tổng số vốn.
- + Tổng doanh thu.
- + Số lượng lao động.
- + Tổng mức lãi một năm.

- Dựa vào các chỉ tiêu trên, người ta chia doanh nghiệp thành:

- + Doanh nghiệp quy mô lớn.
- + Doanh nghiệp quy mô vừa.
- + Doanh nghiệp quy mô nhỏ.

1.4 Nhiệm vụ quyền hạn của doanh nghiệp.

1.4.1. Nhiệm vụ của doanh nghiệp.

- Với tư cách là đơn vị kinh doanh trên thị trường, doanh nghiệp không tồn tại đơn lẻ, địa vị pháp lý của doanh nghiệp luôn được xác định trong mối quan hệ với các chủ thể khác trong sinh hoạt thị trường và đời sống xã hội. Pháp luật phải giải quyết hài hòa, hợp lý về lợi ích giữa các chủ thể tham gia thị trường để không ai có thể vì lợi ích của mình xâm hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác. Dưới góc độ lý thuyết, các nghĩa vụ được coi là trách nhiệm và giới hạn quyền của doanh nghiệp trong những quan hệ giữa họ với nhà nước, với người lao động, các doanh nghiệp khác và người tiêu dùng. Cụ thể là:

- Với hoạt động quản lý nhà nước về kinh tế, các doanh nghiệp có nghĩa vụ hoạt động kinh doanh theo đúng ngành, nghề đã ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; bảo đảm điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật khi kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện; Đăng ký mã số thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; Tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử, văn hoá và danh lam thắng cảnh.

Tự do kinh doanh không có nghĩa là tự do vô tổ chức, mà luôn được đặt trong trật tự của thị trường để bảo đảm sự phát triển có định hướng của thị trường với vai trò quản lý của nhà nước. Những nghĩa vụ kể trên có hai ý nghĩa cơ bản:

Thứ nhất, doanh nghiệp bảo đảm thực hiện đúng cam kết với nhà nước khi đăng ký kinh doanh. Lý thuyết về tự do kinh doanh đã cho doanh nghiệp quyền chủ động lựa chọn ngành nghề và tự kê khai nội dung đăng ký kinh doanh. Với nhà nước, thủ tục đăng ký kinh doanh cung cấp các thông tin cần thiết về thị trường làm cơ sở cho hoạt động quản lý và xây dựng các chính sách phát triển thị trường hiệu quả. Đối với doanh nghiệp, thủ tục đăng ký kinh doanh xác lập tư cách cho doanh nghiệp, đồng thời, nội dung kê khai khi đăng ký còn là những cam kết của doanh nghiệp trước nhà nước. Vì lẽ ấy, doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện đúng những gì đã cam kết;

Thứ hai: doanh nghiệp bảo đảm trách nhiệm vật chất đối với hoạt động quản lý của nhà nước và cộng đồng.

- Tôn trọng lợi ích của xã hội, các doanh nghiệp thực hiện các nghĩa vụ: Bảo đảm quyền, lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật về bảo hiểm; Bảo đảm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hoá, dịch vụ theo tiêu chuẩn đã đăng ký hoặc công bố. Trong quan hệ với người lao động, các nghĩa vụ của doanh nghiệp không còn là việc nội bộ của họ mà là trách nhiệm có tính cộng đồng. Mặt khác, các chuẩn mực về lao động như vấn đề bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và các quy chuẩn chất lượng hàng hóa ... luôn phản ánh các chính sách xã hội của quốc gia mà bất cứ nhà nước nào cũng theo đuổi, góp phần khắc phục các khuyết tật của thị trường.

- Trách nhiệm minh bạch hóa thông tin. Sự thay đổi trong nhận thức và pháp luật về vai trò quản lý nhà nước theo hướng mở rộng quyền tự chủ của doanh nghiệp đòi hỏi thị trường phải có được cơ chế giám sát xã hội, nhằm ngăn chặn mọi nguy cơ đe dọa đến trật tự và lợi ích hợp pháp của các chủ thể khác trên thị trường. Một cơ chế giám sát xã hội hiệu quả phải bảo đảm sự minh bạch và trung thực về thông tin cho mọi thành viên tham gia thị trường bao gồm doanh nghiệp, nhà đầu tư và người tiêu dùng...

- Bồi dưỡng nâng cao trình độ văn hóa, chuyên môn, khoa học kỹ thuật cho người lao động: Nền sản xuất muốn phát triển thì không chỉ đầu tư đổi mới công nghệ mà còn phải

nâng cao nhận thức và chuyên môn cho người lao động 1 cách tương ứng, nếu không thường xuyên bồi dưỡng thì hậu quả đến 1 lúc nào đó người lao động sẽ không thể đảm đương được công việc của doanh nghiệp.

- Thực hiện các nhiệm vụ và nghĩa vụ đối với nhà nước giao: Căn cứ vào tình hình phát triển và thị trường hàng năm nhà nước giao chỉ tiêu, nhiệm vụ cho doanh nghiệp như: số lượng hàng hóa làm ra, số lượng hàng hóa kinh doanh, chỉ tiêu thuế phải nộp. Bảo vệ doanh nghiệp, bảo vệ sản xuất, môi trường, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, làm tròn nghĩa vụ quốc phòng.

- Không ngừng nâng cao hiệu quả và mở rộng sản xuất kinh doanh.

1.4.2. Quyền hạn của doanh nghiệp.

- Doanh nghiệp được tự chủ trong hoạt động kinh doanh và phát triển thị trường bằng các quyền cơ bản: Tự chủ kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh, đầu tư; chủ động mở rộng quy mô và ngành, nghề kinh doanh; được Nhà nước khuyến khích, ưu đãi và tạo điều kiện thuận lợi tham gia sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích; Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng; Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu.

- Trong việc quản lý, điều hành nội bộ, doanh nghiệp được quyền tự quyết nhằm nâng cao khả năng kinh doanh và năng lực cạnh tranh, bao gồm các quyền: Tự chủ quyết định các công việc kinh doanh và quan hệ nội bộ; Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của doanh nghiệp; Chủ động ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh; Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh.

- Các doanh nghiệp được quyền hoạt động trong môi trường kinh doanh lành mạnh, bình đẳng và ổn định.

1.5 Cơ cấu sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp công nghiệp.

1.5.1. Cơ cấu doanh nghiệp.

Cơ cấu doanh nghiệp là tổng hợp các bộ phận (đơn vị và cá nhân) khác nhau, có mối liên hệ và quan hệ phụ thuộc lẫn nhau, được chuyên môn hóa và có những trách nhiệm, quyền hạn nhất định, được bố trí theo những cấp, những khâu khác nhau nhằm đảm bảo thực hiện các chức quản trị, phục vụ mục đích chung đã xác định của doanh nghiệp.

1.5.2. Các bộ phận hình thành cơ cấu sản xuất.

- Bộ phận sản xuất chính là bộ phận trực tiếp chế biến sản phẩm chính của hệ thống.
- Bộ phận sản xuất phụ trợ là bộ phận mà hoạt động của nó có tác dụng phục vụ trực tiếp cho sản xuất chính, đảm bảo cho sản xuất chính có thể tiến hành liên tục, đều đặn.
- Bộ phận sản xuất phụ là bộ phận tận dụng các phế liệu, phế phẩm của sản xuất chính để tạo ra những sản phẩm phụ khác.
- Bộ phận phục vụ sản xuất là bộ phận tổ chức nhằm thực hiện công tác cung ứng, bảo quản cấp phát nguyên vật liệu cho sản xuất.

1.5.3. Các yếu tố của hệ thống tổ chức quản lý.

1.5.3.1. Cấp lãnh đạo: Bao gồm ban giám đốc, quản đốc, tổ trưởng, trưởng các phòng ban chức năng (phòng kế toán, phòng marketing...)

Cấp lãnh đạo có vai trò làm đại diện, kiểm soát công việc của nhân viên dưới quyền, thu thập, tiếp nhận thông tin liên quan để tổ chức đơn vị, hoạch định, quyết định các hoạt động của doanh nghiệp.

Tiêu chuẩn của nhà lãnh đạo phải có kỹ năng về:

- Kỹ thuật chuyên môn nghiệp vụ.
- kỹ năng quản lý nhân sự.
- Kỹ năng nhận thức tu duy.